

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09/7/2018
(V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**** Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.***

**** Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Phan Văn Tiến.

2. Ông Nguyễn Bá Đặng.

**** Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy ghi biên bản phiên tòa:***

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:***

Bà Trần Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị C**, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn TL, xã TN, huyện T2, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn TC, xã TH, huyện T2, tỉnh Thái Bình.

(Chị C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: **Anh Đỗ Văn Q**, sinh năm 1982.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn TL, xã TN, huyện T2, tỉnh Thái Bình.

(Anh Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải; chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Văn Q, sinh năm 1982, có hộ khẩu thường trú tại thôn TL, xã TN, huyện T2, tỉnh Thái Bình tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 28/12/2012 được Ủy ban nhân dân xã TN, huyện T2, tỉnh Thái Bình chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau tại gia đình nhà anh Q; vợ

chồng chung sống hòa thuận được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng chưa có con dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh Q đi vào miền Nam làm việc và ở luôn trong đó cho đến nay. Chị C đã chuyển về nhà ngoại tại thôn TC, xã TH, huyện T2, tỉnh Thái Bình sinh sống và làm việc. Nay xác định tình cảm không còn, không thể quay về chung sống và đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn Q.

Về con chung, chị C xác định chị và anh Đỗ Văn Q không có con chung, hiện tại chị C không mang thai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, chị C xác định chị và anh Đỗ Văn Q không có tài sản chung và yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Ngày 31/5/2018, Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh Thái Bình mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh Đỗ Văn Q không đến Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2018 tại gia đình anh Đỗ Văn Q, thôn TL, xã TN, huyện T2, tỉnh Thái Bình, bà Lê Thị H, sinh năm 1949, là mẹ đẻ anh Q trình bày: Anh Đỗ Văn Q và chị Nguyễn Thị C có tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 28/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh Q, chị C chung sống hòa thuận được thời gian ngắn, do vợ chồng anh Q, chị C tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn, chị C đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị C được ly hôn anh Q. Gia đình và anh Q đã nhận được các văn bản của Tòa án, anh Đỗ Văn Q đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị C, do anh Q đi làm ăn xa nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh Q. Về con chung: Bà Lê Thị H xác định anh Q và chị C không có con chung, hiện nay chị C không mang thai. Về tài sản chung: Bà Lê Thị H xác định anh Q và chị C không có tài sản chung. Gia đình anh Q đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết cho anh Đỗ Văn Q và chị Nguyễn Thị C được ly hôn. Ông Phạm Xuân H1, trưởng thôn TL cho biết: Anh Q và chị C có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã TN, huyện T2, tỉnh Thái Bình; anh Q và chị C không có con chung và tài sản chung. Cơ sở thôn cho biết vì không có con chung nên anh Q và chị C phát sinh mâu thuẫn. Nay chị C có đơn xin ly hôn anh Q, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Biên bản lấy lời khai còn có chữ ký xác nhận của ông Phạm Văn T, công chức tư pháp xã; chữ ký, chức danh và con dấu của ông Tô Văn M, Phó Chủ tịch UBND xã TN, huyện T2, tỉnh Thái Bình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T2, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Đỗ Văn Q. Về con chung, không có nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả giải quyết tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 05 tháng 6 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐST- HNGĐ, phiên tòa xét xử được tổ chức vào 07 giờ 00 phút ngày 22/6/2018, tuy nhiên đến thời điểm Tòa án mở phiên tòa, anh Đỗ Văn Q vắng mặt, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử đã ban hành Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2018/QĐST- HNGĐ, phiên tòa được mở lại vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 09/7/2018. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã TN, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Sau khi nhận được Quyết định hoãn phiên tòa, ngày 22/6/2018, chị Nguyễn Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đỗ Văn Q là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Văn Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ yêu cầu giải quyết ly hôn của chị C cung cấp phù hợp với các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập qua xác minh tại gia đình anh Đỗ Văn Q và tại chính quyền địa phương xã TN, huyện T2, tỉnh Thái Bình nên xác định: Thời gian đầu chung sống chị C và anh Q chung sống hòa thuận được khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không có con dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh Q đi vào miền Nam làm việc và ở luôn trong đó cho đến nay. Chị C đã chuyển về nhà ngoại tại thôn TC, xã TH, huyện T2, tỉnh Thái Bình sinh sống và làm việc. Chị C có đơn xin ly hôn anh Q, Tòa án đã ra thông báo thụ lý, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án, anh Q và gia đình có biết nhưng không đến Tòa án để làm việc, thông qua gia đình anh Q đồng ý ly hôn với chị C. Như vậy có thể thấy tình cảm vợ chồng của anh Đỗ Văn Q và chị Nguyễn Thị C và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Đỗ Văn Q.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Văn Q không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Đỗ Văn Q.

2. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Văn Q không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai số 0001414 ngày 04/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Chị Nguyễn Thị C đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C; bị đơn là anh Đỗ Văn Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T2;
- Chi cục THADS huyện T2;
- UBND xã TN;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền